

TÌNH HÌNH SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT LÀNG TÙY HỐI THẾ KỶ XVIII, ĐẦU THẾ KỶ XIX QUA TƯ LIỆU ĐỊA BẠ

ĐINH VĂN VIỄN*

1. Vài nét về làng Tuy Hối

Làng (xã) Tuy Hối nay thuộc xã Gia Tân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, nằm cách huyện lỵ Gia Viễn 7km về phía Đông Nam. Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 12. Phía Đông giáp thôn Gián Khẩu, xã Gia Trấn. Phía Nam giáp sông Hoàng Long. Phía Tây giáp các xã Gia Lập, Gia Tiến, Gia Thắng (thuộc huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình).

Diện tích tự nhiên của Tuy Hối là 125.6ha chiếm 27,5% diện tích toàn xã Gia Tân, diện tích đất nông nghiệp 110.5ha, diện tích đất thổ cư là 6,6ha.

Thời Đinh, Tuy Hối thuộc đạo Đại Hoàng (đời Tiền Lê đạo Đại Hoàng được gọi là châu Trường Yên. Thời nhà Lý gọi là phủ Trường Yên, sau gọi là châu Đại Hoàng. Đầu đời Trần gọi là lộ sau đổi là Trấn Trường Yên. Năm Quang Thái thứ 10 đời Trần Thuận Tông, đổi thành Trấn Thiên Quan). Dưới triều Lê Thái Tông, Tuy Hối thuộc huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên của trấn Thanh Hoa. Thời Lê Thánh Tông, Tuy Hối thuộc huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên của Sơn Nam Thừa Tuyên. Thời Mạc, Tuy Hối thuộc huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên của Thanh Hoa ngoại trấn. Thời Tây Sơn, Tuy Hối thuộc huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, Thanh Hoa ngoại trấn thuộc

Bắc Thành. Dưới thời Gia Long, Tuy Hối thuộc huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, đạo Thanh Bình thuộc trấn Thanh Hoa. (Năm 1822 đổi tên đạo Thanh Bình làm đạo Ninh Bình). Năm 1829, Tuy Hối thuộc huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, trấn Ninh Bình. Từ 1831 đến trước Cách mạng tháng Tám 1945, Tuy Hối thuộc tổng Tri Hối, huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, tỉnh Ninh Bình.

Sau khi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, đơn vị hành chính cấp tổng bị xóa bỏ, tổng Tri Hối được chia thành hai xã là Tri Tân và Quang Trung. Tuy Hối thuộc xã Quang Trung. Tháng 7 năm 1949, thành lập xã Gia Tân gồm Sào Long, Xuân Đài, Đồng Mĩ, Lãng Nội, Lãng Ngoại, Vân Thị, Tuy Hối, Thiệu Hối, Thành Thiệu. Tuy Hối thuộc xã Gia Tân. Tháng 7-1954, xã Gia Tân được chia thành 2 xã Gia Lập và Gia Tân. Gia Tân gồm có Vân Thị, Tuy Hối, Thần Thiệu. Từ năm 1954 đến nay, Tuy Hối nằm trong xã Gia Tân.

Quá trình phát triển của Tuy Hối gắn liền với nhiều nhân vật nổi tiếng trong lịch sử. Thế kỷ XII, vùng đất Tri Hối trong đó có Tuy Hối là đất thực ấp của Thái úy Tô Hiến Thành. Nguyên do là năm 1167, Thái úy Tô Hiến Thành đem quân đánh đuổi

*TS. Trường Đại học Hoa Lư, Ninh Bình

Chiêm Thành nên sau chiến thắng, nhà vua đã ban cho ông nhiều thực ấp trong đó có vùng đất Tù Hối (1). Thế kỷ XIII, thời Trần, sau khi đánh thắng quân Nguyên, “vùng đất Tù Hối trở thành điền trang của Nguyên Từ Quốc Mẫu và Trần Quốc Tảng”. Theo bản Trần Triều Ngọc phá (lưu giữ tại đền Quốc Mẫu ở Tù Hối) thì sau khi Nguyên Từ Quốc Mẫu cùng con (Trần Quốc Tảng) chu du bốn biển đã chọn Tù Hối, là nơi có “thủy hành khuất khúc, long nhiều oanh vu, tướng kì linh phục, chinh cổ ứng

2. Tình hình ruộng đất ở Tù Hối cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ

2.1. Tình hình chung

Việc tìm hiểu về tình hình ruộng đất ở Tù Hối giai đoạn trước thế kỷ XIX là rất khó khăn vì hầu như không có nguồn tài liệu. Dựa trên cơ sở nguồn địa bạ thời Tây Sơn (lập năm Quang Trung thứ 3-1790) được lưu giữ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chúng tôi xin phác họa vài nét về tình hình ruộng đất Tù Hối hồi thế kỷ XVIII như bảng 1.

Bảng 1: Các loại ruộng đất ở Tù Hối cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX

Loại ruộng đất Thời gian, số lượng, tỷ lệ		Công điền	Công phù sa	Thần từ Phật tự	Thổ trạch, viên tri	Tha ma	Các loại khác	Tư điền	Tổng (mẫu.sào. thước.tấc)
Cuối thế kỷ XVIII	Số lượng	350.2.7		6.9.0	38.2.4	30.7.0	35.0.0	160.1.4	621.2.5
	Tỷ lệ %	56,4%		1,1%	6,2%	4,9%	5,6%	25,8%	100%
Đầu thế kỷ XIX	Số lượng	350.2.7	37.0.0	6.0.0	91.2.4	30.0.0	5.4.0	121.1.4.4	641.0.5.4 (3)
	Tỷ lệ %	54,6%	5,8%	0,9%	14,2%	4,7%	0,8%	18,9%	100%

tiên” bèn “truyền cho binh sĩ đóng lại, cùng với nhân dân trong xã Tù Hối thiết lập cung sở”. Tại đây Nguyên Từ Quốc Mẫu và Trần Quốc Tảng đã “dạy dân khai hoang, mở rộng làng xã” (2)... Làng xóm Tù Hối vì thế mà ngày càng đông đúc. Sau khi Nguyên Từ Quốc Mẫu và Trần Quốc Tảng qua đời, nhân dân ở đây đã lập đền thờ. Ngôi đền hiện vẫn còn và thường được nhân dân gọi là đền Quốc Mẫu.

Tù Hối là nơi khá đa dạng về tín ngưỡng, tôn giáo: thờ thành hoàng, thờ Phật, Thiên Chúa giáo,... Cũng như các làng Việt truyền thống khác, thờ thành hoàng là hiện tượng phổ biến đối với các làng Việt cổ. Tuy nhiên sự xuất hiện của Thiên Chúa giáo ở đây làm cho bức tranh sinh hoạt tôn giáo thêm đa dạng.

Đồng thời với quá trình hình thành, phát triển làng xã, tình hình ruộng đất ở Tù Hối cũng có những biến chuyển lớn.

Từ bảng 1 cho thấy, đến thế kỷ XVIII, tổng diện tích của Tù Hối ở hai thời điểm này chênh lệch nhau không nhiều. Số ruộng đất gia tăng này có lẽ có nguồn gốc từ loại ruộng đất công phù sa. Điều này là hợp lý bởi Tù Hối, được sông Hoàng Long bồi đắp phù sa. Tù Hối cũng như các xã ven con sông này (Gia Trung, Gia Tiến,... của huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình) vẫn có khu vực ruộng ở bãi bồi được gọi là “ruộng ngoài sông”.

Một nét nổi bật nhất trong tình hình ruộng đất Tù Hối giai đoạn cuối thế kỷ XVIII đó là hiện tượng ruộng đất bị bỏ hoang rất nhiều. Không chỉ ruộng đất công mà cả ruộng đất tư, thậm chí cả thần từ, Phật tự cũng bị bỏ hoang. Thống kê từ địa bạ Quang Trung (1790) cho thấy như bảng 2.

Như vậy, ta có thể thấy bức tranh chung về tình hình ruộng đất cũng như làng xóm, dân cư Tù Hối thế kỷ XVIII rất tiêu điều. Có đến 67,49% diện tích ruộng công,

Bảng 2: Ruộng đất bị bỏ hoang ở Tuy Hối cuối thế kỷ XVIII

Công điền										Thần từ		Tư điền	
Xã Bảo Tường		Xã Đông Nha		Xã Tiên Hối Chí Linh		Xã Thăng Đồng		Xã Bảo Linh Đường Khoái		Xã Đông Nha		Xã Lộc Đề	
Diện tích	Số bị bỏ hoang; chiếm tỷ lệ %	Diện tích	Số bị bỏ hoang; chiếm tỷ lệ %	Diện tích	Số bị bỏ hoang; chiếm tỷ lệ %	Diện tích	Số bị bỏ hoang; chiếm tỷ lệ %	Diện tích	Số bị bỏ hoang; chiếm tỷ lệ %	Diện tích	Số bị bỏ hoang; chiếm tỷ lệ %	Diện tích	Số bị bỏ hoang; chiếm tỷ lệ %
83.0.0	63.0.0 = 75,90%	36.5.10	7.10 = 21,91%	23.0.0	18.1.0= 78,69%	30.0.0	30.0.0 = 100%	177.6.7	0 = 0%	5.0.0	5.0.0 =100%	160.14	113.3.4 = 70,75%
236 mẫu 3sào 4 tấc = 67,49% diện tích công điền bị bỏ hoang										5 mẫu = 100% thần từ bị bỏ hoang		113 mẫu 3sào 4 tấc = 70,75% diện tích tư điền bị bỏ hoang	

70.75% diện tích ruộng tư bị bỏ hoang. Điều này đã tác động sâu sắc tới tình hình ruộng đất ở các giai đoạn sau.

2.2. Ruộng đất công

Ở cả hai thời điểm, cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, công điền vẫn chiếm tỉ lệ cao trong tổng số ruộng đất của Tuy Hối.

Bảng 3: Tỷ lệ ruộng đất công ở Tuy Hối và một số địa phương đầu thế kỷ XIX

TT	Tên làng xã	Tỉ lệ ruộng đất công (%)
1	Mộ Trạch (Hải Dương)	0,93
2	Đa Ngưu (Hưng Yên)	0,94
3	Cống Thủy (Yên Khánh - Ninh Bình)	43,3
4	Côi Trì (Yên Mô - Ninh Bình)	53,95
5	Tuy Hối (Gia Viễn - Ninh Bình)	60,4
6	Sơn Dục (Gia Viễn - Ninh Bình)	9,97
7	Trà Lai (Gia Viễn - Ninh Bình)	11,43
8	Tế Mỹ (Gia Viễn - Ninh Bình)	4,93
9	Đoan Bình (Gia Viễn - Ninh Bình)	19,16
10	Ngô Đồng (Gia Viễn - Ninh Bình)	15,58
11	Vân Trình (Gia Viễn - Ninh Bình)	30,01
12	Lỗi Sơn (Gia Viễn - Ninh Bình)	15,85
13	Thanh Quyết (Gia Viễn - Ninh Bình)	7,89
14	Thiện Hối (Gia Viễn - Ninh Bình)	2,56

Nguồn: Địa bạ năm 1832 ở các làng của Ninh Bình đầu thế kỷ XIX. Nguyễn Văn Khánh: *Biến đổi ruộng đất ở làng Mộ Trạch Hải Dương đầu thế kỷ XIX đến 1945*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 1-1998. Đinh Văn Viễn: *Vài nét về tình hình ruộng đất Côi Trì (Yên Mô-Ninh Bình) đầu thế kỷ XIX*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 6 năm 2010.

Cuối thế kỷ XVIII, công điền chiếm 56,4%. Sang đầu thế kỷ XIX, nếu như số ruộng công của cả nước chỉ còn chiếm 17,08% (4) thì số ruộng đất công ở Tuy Hối vẫn chiếm số lượng lớn. Tính riêng ruộng công đã chiếm 54,6%. Nếu tính cả 5,8% ruộng công phù sa thì con số này là 60,4%. Như vậy, số lượng ruộng đất công ở đây rất lớn. So sánh tỉ lệ ruộng đất công ở Tuy Hối với một số làng xã khác ở Ninh Bình cũng như ở Bắc Bộ ở thời điểm đó, chúng ta có kết quả như bảng 3.

Qua bảng 3 có thể thấy, số lượng ruộng đất công ở Tuy Hối còn rất lớn, chiếm tới 60,4% diện tích của làng, trong khi đó ở một số nơi như Đa Ngưu (Hưng Yên) và đặc biệt là Mộ Trạch (Hải Dương), số lượng ruộng đất công quá ít. Ngay ở Ninh Bình, tỉ lệ ruộng đất công điền cũng khác nhau rõ rệt, nếu như ở Côi Trì (Yên Mô, Ninh Bình) ruộng đất công chiếm 53,9% thì Cống Thủy tỉ lệ đó là 43,3%. Còn ở Gia Viễn, trong số 10 xã của huyện này được thống kê thì có tới 9 xã có diện tích công dưới 30%. Chỉ có một xã có diện tích công chiếm trên 30% (Vân Trình cũng chỉ có 30,01%). Như vậy, so với các địa phương khác như Hải Dương, Hưng Yên, hay chỉ xét riêng ở Ninh Bình hay riêng Gia Viễn thì việc Tuy Hối có tới

60,4% ruộng đất là sở hữu công cũng là vấn đề rất đáng quan tâm.

Sự chênh lệch về tỷ lệ ruộng đất công ở các địa phương khác nhau hoặc ngay ở Ninh Bình đã được một số nhà nghiên cứu đi sâu tìm hiểu và phản ánh trong một số tác phẩm.

Việc Tuy Hối duy trì tỷ lệ công điền cao như vậy chứng tỏ sự phân hoá ruộng đất ở đây diễn ra chưa mạnh.

Tuy Hối có điều kiện mở rộng diện tích đất đai nên sức ép của vấn đề dân số lên ruộng đất còn thấp (đầu thế kỷ XIX, Tuy Hối có thêm 37 mẫu ruộng công phù sa mà ở địa bạ năm 1790 không có). Hơn nữa do chiến tranh loạn lạc suốt thời kì dài cùng với việc đói kém mất mùa làm dân phiêu tán nên việc chiếm hữu ruộng đất và việc phân hóa ruộng đất diễn ra chưa mạnh (thế kỉ XVIII có 67,49% diện tích công điền và 70,75% diện tích tư điền bị bỏ hoang. Mặt khác, Tuy Hối cũng chịu sự tác động của chính sách bảo vệ ruộng đất công của nhà nước phong kiến đương thời (cấm việc đầu cơ mua bán ruộng đất). Một lý do mang tính đặc thù của Tuy Hối đó là theo truyền thuyết, khi Trần Quốc Tảng đến Tuy Hối, tổ chức khai hoang, sau khi ông mất có “để lại cho làng 500 mẫu ruộng. Số ruộng này được cư dân Tuy Hối rất coi trọng, không ai dám xâm chiếm cả” (5). Ruộng công của Tuy Hối tập trung ở các xứ đồng sau (xem bảng 4).

Bảng 4: Phân bố ruộng công của Tuy Hối cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX theo các xứ đồng

TT	Tên xứ đồng	Diện tích sở hữu (mẫu.sào. thước)
1	Bảo Tường	83.0.0
2	Đông Nha	36.5.10
3	Tiền Hối Chí Linh	23.0.0
4	Hậu Linh Đường Khoái	177.6.7
5	Thần đồng	30.0.0
	Tổng	350.2.7

Nguồn: *Tùy Hối địa bạ 1832*.

Số ruộng công trên được phân làm các hạng sau (xem bảng 5).

Bảng 5: Phân chia ruộng công của Tuy Hối cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX theo các hạng

TT	Loại ruộng	Diện tích sở hữu (mẫu.sào. thước)	Tỉ lệ %
1	Ruộng hạng 1	0	0
2	Ruộng hạng 2	119.5.6	34,1%
3	Ruộng hạng 3	230.6.11	65,9%
	Tổng	350.2.7	100%

Nguồn: *Tùy Hối địa bạ 1832*.

Việc phân chia ruộng công cho các thành viên trong làng ở Tuy Hối đầu thế kỷ XIX cũng theo qui định của Nhà nước. Tuy nhiên, có một điểm khác biệt giữa Tuy Hối với các khu vực khác đó là “trừ những người cô nhi, quả phụ, người già trên 60 tuổi, còn lại dân làng ai cũng được chia, mỗi người được khoảng một mẫu kể cả thổ cư. Ví dụ một người có 3 sào thổ rồi thì được chia 7 sào ruộng nữa” (6). Điều này cho thấy tính công bằng, bình đẳng trong phân chia ruộng đất ở Tuy Hối.

2.3. Ruộng đất tư nhân

Về số lượng chung

Xu hướng chung trong sở hữu ruộng đất giai đoạn cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX là ruộng đất tư hữu ngày càng chiếm số lượng lớn, áp đảo ruộng đất tư. Tuy nhiên, tình hình cụ thể ở từng địa phương lại rất đa dạng. Ở một số địa phương ruộng đất tư vẫn không phát triển, vẫn chiếm tỉ lệ nhỏ so với ruộng đất công. Tuy Hối là một điển hình cho hiện tượng này.

Giai đoạn cuối thế kỷ XVIII, theo địa bạ Quang Trung (1790), số ruộng đất tư ở Tuy Hối là 160 mẫu, 1 sào, 4 thước, chiếm 25,8%. Nếu coi loại thổ trạch viên cư là loại đất tư thì tổng số ruộng đất tư ở Tuy Hối cũng chỉ chiếm 32%. Sang đầu thế kỷ XIX, trong khi ruộng tư trên toàn quốc (theo *Sĩ hoạn tu tri lục*) đã chiếm tỷ lệ 82,92%, ở

Bắc Bộ chiếm khoảng 75% (7) thì ở Tuy Hối là 121 mẫu 1 sào 4 thước 4 tấc, chiếm 18,9% (Nếu tính cả loại thổ trạch viên cư cũng chỉ là 33,1%) diện tích toàn xã. Như vậy, có thể thấy, diện tích ruộng tư ở đây không những không tăng lên mà lại giảm đi (xấp xỉ 1%).

Tỷ lệ ruộng đất tư ở Tuy Hối đầu thế kỷ XIX thấp hơn rất nhiều so với các địa phương khác như: Đa Ngưu (Hưng Yên) tỷ lệ diện tích ruộng tư chiếm tới 98,4%, Mộ Trạch (Hải Dương) là 83%, Cống Thủy (Yên Khánh - Ninh Bình) là 56,7%. So với các xã ở huyện Gia Viễn, tỷ lệ ruộng tư của Tuy Hối cũng thấp hơn nhiều: Sơn Dực-90,03%, Thiện Hối-97,4%, Thanh Quyết-92,11%,...

Về mặt nào đó thì đúng là tại Tuy Hối sự phân hóa tư hữu ruộng đất chưa phát triển bằng các nơi khác. Nhưng cũng do đặc thù ở Tuy Hối khiến ruộng tư hữu ở đây có tỷ lệ thấp. Đầu thế kỷ XIX, triều đình nhà Nguyễn đã ban hành và thực thi khá mạnh mẽ chính sách ngăn cấm, xử phạt nặng những hiện tượng “*chiếm công vi tư*” nhằm bảo vệ công điền. Tuy Hối có lẽ là địa phương thực hiện khá hiệu quả chủ trương này. Mặt khác, ở thế kỷ XVIII, diện tích ruộng đất bị bỏ hoang ở Tuy Hối rất lớn (*xem bảng 2*) vì thế sang thế kỷ XIX, mặc dù số dân gia tăng nhưng vẫn không ảnh hưởng nhiều đến lượng ruộng đất công.

Những nguyên nhân trên có thể giúp chúng ta lý giải được hiện tượng ruộng tư không những không tăng lên mà lại có phần giảm như ở Tuy Hối.

Ruộng đất tư ở Tuy Hối được bố trí ở các cánh đồng Lộc Đề, Bảo Tường, Đông Nha. Phần lớn ruộng tư đều là ruộng tốt nhất trong xã (địa bạ cho biết Tuy Hối không có

ruộng hạng 1, chỉ có ruộng hạng 2 và 3) (100% diện tích ruộng tư đều là hạng 2), thuận lợi cho sản xuất. Trong đó ruộng vụ hạ (canh tác khó khăn hơn, dễ bị lũ lụt) chỉ chiếm 3 mẫu, ruộng vụ thu (việc canh tác gặp thuận lợi, chắc ăn hơn) chiếm tới 118 mẫu 1 sào 4 thước 4 tấc.

Về quy mô sở hữu

Theo thống kê từ Tuy Hối địa bạ dưới triều vua Quang Trung (1790) và Minh Mệnh (1832) cho ta thấy về quy mô sở hữu của ruộng đất tư như sau:

Bảng 6: Quy mô sở hữu ruộng ở Tuy Hối đầu thế kỷ XIX

TT	Quy mô sở hữu	Cuối thế kỷ XVIII		Đầu thế kỷ XIX	
		Chủ sở hữu		Chủ sở hữu	
		Số chủ	Tỷ lệ %	Số chủ	Tỷ lệ %
1	Dưới 1 mẫu	3	75%	2	4,16
2	Từ 1-3 mẫu	0		48	58,3
3	Từ 4-5 mẫu	1	25%	3	29,16

Số liệu thống kê giai đoạn cuối thế kỷ XVIII chỉ có 4 chủ (02 người) với số thực canh là 2 mẫu 8 sào 4 thước. Còn lại có tới 113 mẫu 3 sào 4 tấc là phế canh. Trong điều kiện như vậy thì việc đánh giá quy mô sở hữu ở giai đoạn này không còn nhiều ý nghĩa. Ở đầu thế kỷ XIX, ở Tuy Hối hầu như chỉ có chủ sở hữu nhỏ. Các chủ sở hữu từ 1 đến 3 mẫu chiếm tới 58,3%. Tuyệt nhiên không hề có tầng lớp đại địa chủ. Điều này cho thấy các quan hệ tư hữu ở Tuy Hối chỉ diễn ra ở mức độ thấp và bộ phận nông dân tự canh là một lực lượng đông đảo trong các chủ sở hữu.

Về sở hữu tư nhân của nữ giới

Ở địa bạ Tuy Hối năm 1790 hoàn toàn không có chủ sở hữu ruộng đất là nữ. Sang đầu thế kỷ XIX, theo thống kê ở cuốn địa bạ triều vua Minh Mệnh (1832), Tuy Hối có 53 chủ sở hữu thì số chủ sở hữu là nữ giới là 5, chiếm 9,43% số chủ sở hữu ruộng đất (*xem bảng 7*).

Bảng 7: Sở hữu ruộng nữ giới ở Tuy Hối đầu thế kỷ XIX

TT	Chủ nữ (8)	Diện tích sở hữu (mẫu,sào, thước)
1	Phạm Thị Phương	1.8.2
2	Phạm Thị Hạnh	2.2.0
3	Phạm Thị Phương	2.1.0
4	Phạm Thị Hạnh	3.9.0
5	Phạm Thị Hạnh	1.5.12
	Tổng	11.5.14

Nguồn: Tuy Hối địa bạ 1832.

Trung bình 1 chủ sở hữu nữ chiếm số ruộng là 2 mẫu 3 sào 3 thước. Cả 5 chủ ruộng đất là nữ đều thuộc hạng nông dân tự canh. Số phụ nữ đứng tên chủ ruộng đất có thể là tài sản của bố mẹ được thừa kế, có thể do mua bán hoặc khai hoang. Dù ở phương diện nào việc phụ nữ có số lượng ruộng đất đáng kể cũng là hiện tượng đáng quan tâm.

Về ruộng đất xâm canh

Nếu như ở cuối thế kỷ XVIII diện tích ruộng xâm canh là 14 mẫu 5 sào (của xã Trung Trữ) (Theo: Ninh Bình tỉnh, Gia Viễn huyện, Tri Hối tổng, Tuy Hối xã địa bạ, tư liệu Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu: AGa4/16) thì sang đầu thế kỷ XIX, số ruộng đất xâm canh là 18 mẫu 6 sào 9 thước (chiếm tỉ lệ 15,4% diện tích ruộng tư của Tuy Hối) (xem bảng 8).

Nếu nhìn vào con số 15,4% diện tích ruộng tư là ruộng xâm canh thì có lẽ đó là con số lớn. Nhưng thực ra suốt từ năm 1790

đến năm 1832, tức là hơn 40 năm sau diện tích xâm canh cũng chỉ tăng thêm hơn 4 mẫu 1 sào 9 thước. Điều này càng cho thấy tính chất “khép kín” của kinh tế Tuy Hối.

Về sở hữu tư điền của các dòng họ

Cuối thế kỷ XVIII, do phần lớn diện tích bị bỏ hoang, địa bạ lại chỉ ghi tên có 2 người là chủ sở hữu ruộng đất nên việc tìm

Bảng 9: Sở hữu ruộng đất của các dòng họ ở Tuy Hối đầu thế kỷ XIX

TT	Họ	Số chủ sở hữu		Diện tích	
		Số lượng	Tỉ lệ(%)	Số lượng (Mẫu. sào. thước)	Tỉ lệ (%)
1	Nguyễn	8	16,6	11.2.8	15,69
2	Phạm	33	50	64.1.0	64,71
3	Hoàng	3	8,3	10.5.13	5,88
4	Lâm	7	20,8	12.2.0	13,72

Nguồn: Tuy Hối địa bạ 1832.

hiểu tình hình sở hữu ruộng đất giữa các họ tộc danh là rất khó khăn. Đầu thế kỉ XIX, theo địa bạ 1832, Tuy Hối có 4 dòng họ là: Phạm, Nguyễn, Hoàng, Lâm và tỉ lệ phân bố ruộng đất như bảng 9.

Sự chênh lệch về tỷ lệ chiếm hữu ruộng đất giữa các dòng họ ở Tuy Hối trên đây là do số lượng người của các dòng họ khác nhau. Đồng thời điều này cũng phản ánh thế lực của các dòng họ tại Tuy Hối là khác nhau. Những họ có đông người như họ Phạm thường có thế lực kinh tế hơn và nắm quyền chi phối làng xã.

Bảng 8: Ruộng xâm canh ở Tuy Hối đầu thế kỷ XIX

TT	Họ và tên (9)	Quê quán	Diện tích xâm canh (mẫu.sào.thước)	Hạng ruộng
1	Đặng Đình Lệ	Tổng Tri Hối	1.5.0	II
2	Đặng Khắc Trị	Tổng Tri Hối	1. 1.0	II
3	Đặng Khắc Trị	Tổng Tri Hối	1. 8.0	II
4	Đặng Đình Lệ	Tổng Tri Hối	1.5.5	II
5	Đặng Khắc Trị	Tổng Tri Hối	1.5. 0	II
6	Đặng Đình Lệ	Tổng Tri Hối	2. 5.0	II
7	Đặng Khắc Trị	Tổng Tri Hối	2.2.8	II
8	Đặng Hữu Quyền	Tổng Tri Hối	3.1.0	II
9	Đặng Đình Lệ	Tổng Tri Hối	0.2.0	II
10	Vũ Đình Định	Trung Trữ	4. 8.0	II
11	Vũ Đình Chúc	Trung Trữ	1.3.0	II
	Tổng		18.6.9	

Nguồn: Tuy Hối địa bạ 1832.

Về sở hữu tư của các chức dịch

Địa bạ năm 1790 không cho biết các chức dịch có bao nhiêu ruộng đất. Đầu thế kỷ XIX, địa bạ năm 1832 cung cấp thông tin tương đối rõ ràng (xem bảng 10).

ruộng đất Tuy Hối cuối thế kỷ XVIII đó là hiện tượng hoang hóa với số lượng lớn, trên mọi loại ruộng đất. Một điểm cần lưu ý là Tuy Hối chỉ cách đường thiên lý chừng 2km, đã từng là một nơi trù phú,

Bảng 10: Sở hữu ruộng đất của các chức dịch ở Tuy Hối đầu thế kỷ XIX

TT	Họ tên	Chức danh	Diện tích sở hữu (mẫu.sào.thước)	Tỉ lệ%
1	Phạm Phú Cơ	Lý trưởng	3.6.0	0,89
2	Nguyễn Phú Thái	Hương mục	0.0.0	0
3	Lâm Đình Thịnh	Trùm trưởng	3.0.10	2,53
4	Nguyễn Phú Thứ	Hương mục	2.8.5	2,3

Nguồn: Tuy Hối xã địa bạ (1832)

Từ bảng 10 cho thấy, $\frac{3}{4}$ người có chức dịch trong làng đều có diện tích ruộng đất hơn 1 mẫu trở lên, chiếm tỉ lệ 5,72% tổng diện tích tư điền của xã, một trường hợp còn lại Nguyễn Phú Thái không có ruộng tư. Có thể thấy, Tuy Hối có nhiều điểm khác so với các địa phương như ở Thái Ninh - Thái Bình, số lượng chức dịch không có ruộng đất chiếm 56,3%; hay ở Thụy Anh-Thái Bình là 3,57%; còn Từ Liêm - Hà Nội là 33,07% (10).

Qua các số liệu trên cho thấy, mặc dù các chức dịch ở Tuy Hối sở hữu số lượng ruộng đất không phải là lớn, họ chưa phải là những đại địa chủ nhưng xét trong nội bộ làng thì họ là những người nhiều ruộng tư nhất và đều chiếm ruộng tốt (hạng 2) và đều thuộc loại ruộng thu vụ (chắc ăn hơn hạ vụ). Rõ ràng là lực lượng quản lý làng xã ở Tuy Hối thuộc tầng lớp có thế lực kinh tế nhất trong làng.

3. Một số nhận xét

Qua tình hình ruộng đất trên đây có thể thấy bức tranh chung về ruộng đất ở Tuy Hối cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Đó là một làng thuần nông, nông nghiệp đóng vai trò chính trong đời sống kinh tế địa phương. Điểm nổi bật trong tình hình

dân cư đông đúc trong các thế kỷ XI, XII, XIII cùng với vai trò của Tô Hiến Thành, Trần Quốc Tảng khi họ sinh sống tại vùng đất này. Vậy mà cuối thế kỷ XVIII, sau thời gian chiến tranh loạn lạc, năm 1790, Tuy Hối gần như là một làng hoang. Tình hình này đặt ra câu hỏi là: triều đại Tây Sơn đã giải quyết vấn đề dân lưu tán, ruộng đất như thế nào? Và cũng từ địa bạ đã cho thấy vào đầu thế kỷ XIX, Tuy Hối đã phát triển trở thành một làng, xã trù phú, dân cư đông đúc. Điều này cho thấy, chỉ trong thời gian ngắn đầu thế kỷ XIX Tuy Hối đã nhanh chóng được phục hồi, phát triển.

Điểm nổi bật nữa dễ nhận thấy trong tình hình sở hữu ruộng đất Tuy Hối cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX là ruộng đất công được duy trì và bảo tồn với số lượng khá lớn. Điều này đồng nghĩa với việc các hình thức sở hữu ruộng đất khác ở Tuy Hối, nhất là sở hữu tư nhân không phát triển mạnh. Chủ sở hữu tư nhân ở Tuy Hối chủ yếu là những người sở hữu nhỏ. Tuyệt đối không có địa chủ. Hiện tượng xâm canh có tồn tại nhưng không mạnh. Sau hơn 40 năm mà diện tích xâm canh tăng lên ít. Tình hình ruộng đất như

vậy đã quy định kết cấu kinh tế của Tù Hối mà trong đó nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo, thủ công, thương nghiệp chỉ giữ vai trò là nghề phụ. Sở ruộng đất công đảm bảo cho nền kinh tế tiểu nông có một số tư liệu sản xuất để duy trì và đem lại cho người nông dân ở đây có ruộng để cày cấy và sinh sống đồng thời nó cũng trói buộc người nông dân ở đây vào làng xã. Ruộng công tồn tại và được củng cố làm cho chế độ tư hữu ở Tù Hối kém phát triển hơn so với nơi khác do đó chưa đủ sức tạo ra một sự phân hóa sâu sắc trong làng xã, chưa đủ sức để giải phóng một lực lượng sản xuất nhất định ra khỏi tư liệu sản xuất và tập trung nhanh tư liệu sản xuất vào tay một số ít người (đến đầu thế kỷ XIX vẫn không có tầng lớp địa chủ).

Đặt Tù Hối trong bối cảnh chung đầu thế kỷ XIX thì thấy dường như Tù Hối không nằm trong sự vận động chung của tình hình ruộng đất cả nước (ruộng đất tư nhân phát triển lấn át ruộng đất công). Tuy nhiên, khi xem xét các điều kiện cụ thể của Tù Hối thì điều này cũng thật dễ hiểu. Một làng gần như bị hoang hóa ở cuối thế kỷ XVIII thì đến đầu thế kỷ XIX khi dân cư tập trung đông đúc thì sức ép của vấn đề ruộng đất là chưa cao. Tù Hối lại có điều kiện mở rộng diện tích canh tác ở những vùng bãi bồi, phù sa ven sông. Hơn nữa, do sức nặng của truyền thống, sự ảnh hưởng những di sản của Trần Quốc Tảng (do nhân dân tạo ra) để lại nên ruộng đất công luôn được duy trì, bảo vệ một cách tự nguyện, nghiêm ngặt.

CHÚ THÍCH

(1). Đình Văn Viễn, *Về bản Trần triều ngọc phả ở đền Quốc Mẫu (làng Tù Hối, Gia Tân, Gia Viễn, Ninh Bình) liên quan đến gia đình Trần Quốc Tuấn*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2-2013, tr.64-70.

(2). Vũ Văn Quân, *Vấn đề ruộng đất trong chính sách đối nội của nhà Nguyễn ở nửa đầu thế kỷ XIX*, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Thanh Hóa ngày 18, 19-10-2008, tr. 358.

(3). Cách ghi diện tích trong bài: mẫu.sào.thước.tấc.phân.ly. Ví dụ: 581.7.4 tức là 581 mẫu, 7 sào, 4 thước.

(4). Vũ Văn Quân, *Vấn đề ruộng đất trong chính sách đối nội của nhà Nguyễn ở nửa đầu thế kỷ XIX*, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt*

Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX, Thanh Hóa ngày 18,19-10-2008, tr. 358.

(5), (6). Nguyễn Văn Trò, *Ninh Bình theo dòng lịch sử văn hóa*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2004, tr.143.

(7). Vũ Văn Quân, *Vấn đề ruộng đất trong chính sách đối nội của nhà Nguyễn ở nửa đầu thế kỷ XIX*, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Thanh Hóa ngày 18,19-10-2008, tr.358.

(8), (9). Trong địa bạ ghi 5 tên như vậy. Vì chưa đủ căn cứ để xác định là trùng tên hay không nên chúng tôi tạm coi đây là các chủ sở hữu khác nhau.

(10). Nguyễn Văn Khánh, *Biến đổi ruộng đất ở làng Mộ Trạch (Hải Dương) từ đầu thế kỷ XIX đến năm 1945*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 1-1998, tr.38.